

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 06-6-2025.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Lâm Thy T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ D, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn H, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông yêu cầu bà Nguyễn Lâm Thy T1 trả lại số tiền nợ gốc là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất Ngân hàng quy định tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Giữa ông và bà T1 quen biết với nhau qua việc vay mượn tiền và môi giới đất đai nên ông có cho chị T1 vay tiền nhiều lần như sau:

- Ngày 09/01/2022 vay 100.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, thời hạn 01 tháng.

- Ngày 21/01/2022 vay 100.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, thời hạn 01 tháng.

- Ngày 21/01/2022 vay 50.000.000 đồng, mục đích để buôn bán hàng Tết, chị T1 hẹn qua Tết sẽ trả.

- Ngày 14/02/2022 vay 200.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, thời hạn 03 ngày.

Tất cả các lần vay hai bên đều có viết giấy mượn tiền do chính bà T1 viết và ký tên. Sau đó bà T1 chỉ trả cho ông được 01 tháng tiền lãi của số tiền gốc 100.000.000 đồng vay ngày 09/01/2022 và từ đó cho đến nay không trả khoản nợ gốc và lãi nào nữa. Ông có yêu cầu chị T1 trả nhiều lần nhưng cứ hẹn mà không trả và thời gian gần đây chị T1 cố tình tránh mặt không trả tiền cho ông. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà T1 có nghĩa vụ trả đầy đủ nợ gốc và lãi nêu trên cho ông.

Ông không biết ông Dương Văn H là ai, ông cũng không cho ông H vay tiền. Bà T1 cho rằng ông H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 09/01/2022 ông không đồng ý. Vì thực tế bà T1 rất uy tín hai bên đã từng vay mượn qua lại với nhau ông tin tưởng nên mới cho bà T1 vay và bà T1 là người vay tiền, trực tiếp nhận tiền nên bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông.

- *Bị đơn bà Nguyễn Lâm Thy T1 trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2025, bà T1 thừa nhận có ký tên vào các giấy mượn tiền, bà vay tổng cộng số tiền 450.000.000 đồng, tuy nhiên đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 09/01/2022 là do một mình ông H vay bà chỉ là người ký tên bảo lãnh vì ông T cho rằng không quen biết ông H. Sau khi vay bà có trả lãi cho ông T được khoảng 2 đến 3 tháng, mỗi tháng 13.000.000 đồng vì khó khăn quá nên bà không có khả năng trả gốc và lãi cho ông T được. Nay ông T khởi kiện, bà đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng, bà xin không trả lãi suất. Riêng đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 09/01/2022 ông H có nghĩa vụ trả cho ông T. Trường hợp ông T không trả thì bà đồng ý trả thay cho ông H.

Do bận công việc nên bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H trình bày:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng ông H không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự và ông T không thực hiện đúng việc giao nộp tài liệu, chứng cứ theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 335, 340, 342, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Lâm Thy T1. Buộc bà Nguyễn Lâm Thy T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Lâm Thy T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Lâm Thy T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Dương Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Từ ngày 09/01/2022 đến ngày 14/02/2022 ông Lê Văn T có cho bà Nguyễn Lâm Thy T1 vay 04 lần tổng cộng số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích trả nợ Ngân hàng và làm vốn kinh doanh nước ngọt, không thỏa thuận lãi suất vay. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi suất Ngân hàng quy định từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông T cung cấp 04 giấy mượn tiền tất cả đều là bản photocopy. Ngày 29/11/2024 Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ là bản gốc các giấy mượn tiền nêu trên nhưng ông T không giao nộp và cho rằng “*Tôi cho tòa xem bản gốc nhưng tôi không giao bản gốc cho tòa khi chưa kết thúc*”. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử yêu cầu ông giao nộp bản gốc để đối chiếu với bản photocopy nhưng ông cũng không đồng ý giao nộp.

[3.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2025, bà T1 thừa nhận chữ ký trên 04 giấy mượn tiền (Bút lục 03, 04, 05, 06) mà ông T cung cấp đều là của bà T1 và bà có vay các lần đúng theo các giấy mượn tiền bản photocopy mà ông T cung cấp. Tuy nhiên bà chỉ vay 350.000.000 đồng và ông H vay 100.000.000 đồng.

[3.3] Xét ý kiến của bà T1: Xét thấy, ông T xác định chỉ cho một mình bà T1 vay và yêu cầu một mình bà T1 có trách nhiệm trả không yêu cầu ông H trả, tại giấy mượn tiền ngày 09/01/2022 do ông H và bà T1 đứng tên và ký tên người mượn tiền chứng tỏ cả hai cùng mượn nên cùng có trách nhiệm trả cho ông T, tuy nhiên bà T1 xác định bà là người bảo lãnh cho ông H, nếu ông H không trả thì bà trả thay. Về phía ông H, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thu

thập, tiếp cận tài liệu chứng cứ và nội dung những vấn đề cần hòa giải trong các thông báo hòa giải, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ ý kiến nào, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 340 và 342 của Bộ luật Dân sự cần buộc bà T1 có nghĩa vụ trả thay cho ông H và sau này bà T1 có quyền yêu cầu ông H trả lại số tiền 50.000.000 đồng mà bà đã trả thay cho ông H.

[3.4] Từ những tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà T1 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng bà trả thay cho ông H) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Đối với yêu cầu tiền lãi suất: Ông T yêu cầu trả tiền lãi suất theo quy định của Ngân hàng trên nợ gốc 450.000.000 đồng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa ông T yêu cầu tính từ ngày 14/02/2022 cho đến ngày xét xử.

[4.1] Xét lời trình bày của bà T1, bà cho rằng sau khi vay bà có trả lãi cho ông T được khoảng 2 đến 3 tháng, mỗi tháng 13.000.000 đồng nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T thừa nhận có nhận tiền lãi của bà T1 02 tháng tổng cộng số tiền 26.000.000 đồng. Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự, lãi suất mà hai bên thỏa thuận vượt quá quy định nên cần khấu trừ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4.2] Căn cứ vào các giấy mượn tiền thì chỉ có giấy mượn tiền ngày 21/01/2022 có ghi lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất bao nhiêu và trong quá trình tố tụng các bên xác định có thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên yêu cầu của ông T là phù hợp. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì tiền lãi được xác định là:

$450.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 39 \text{ tháng} = 148.404.000 \text{ đồng}$. Khấu trừ số tiền lãi mà bà T1 đã trả 26.000.000 đồng. Như vậy bà T1 còn phải trả tiền lãi là 122.404.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 335, 340, 342, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Lâm Thy T1.

Buộc bà Nguyễn Lâm Thy T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 572.404.000 (năm trăm bảy mươi triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn) đồng. Trong đó, nợ gốc là 450.000.000 đồng và nợ lãi suất là 122.404.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

Buộc bà Nguyễn Lâm Thy T1 phải chịu 26.896.000 (hai mươi sáu triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui